TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/DS-PT
Ngày 03-4-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2022/TLPT-DS ngày 19/12/2022, về việc "Kiện đòi tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS – ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐ – PT, ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng T, sinh năm 1964; địa chỉ: 132 đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X; địa chỉ: 387 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: 387 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông YA, sinh năm 1994; địa chỉ: 306 TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Bùi Hữu NT, sinh năm 1968; địa chỉ: 136/16 P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Tiến T1, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 306 TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu H trước đây làm việc tại Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ X (Nay là Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ X). Năm 2005 công ty sắp xếp lại Doanh nghiệp theo chủ trương của Nhà nước, ông H thuộc diện dôi dư nên Công ty ban hành quyết định 445/QĐ-NC về việc cho ông H nghỉ việc hưởng chính sách lao động dôi dư. Theo Điều 2 Quyết định số 445/QĐ-NC ngày 30 tháng 11 năm 2005 thì ông H được hưởng số tiền là 61.343.500 đồng. Ông H chấp nhận số tiền này và không có ý kiến gì nhưng từ đó đến nay Công ty vẫn giữ số tiền của ông H và chưa trả cho ông H. Vì vậy, nay ông H yêu cầu Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X phải trả cho ông H số tiền 61.343.500 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu H nguyên là cán bộ công nhân viên thuộc Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ X (Nay là Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ X) được giám đốc công ty giải quyết nghỉ việc hưởng chính sách lao động dôi dư do sắp xếp lại Doanh nghiệp Theo Quyết định số 445/QĐ-NC ngày 30 tháng 11 năm 2005. Trước khi ông H nghỉ việc Công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ trên tài khoản 1388 (phải thu khác) với ông Nguyên Hữu H tại thời điểm nghỉ việc ông H còn nợ Công ty số tiền 594.888.818 đồng. Khi ông H đang là đội trưởng đội công trình III. Vì vậy nay công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu Công ty phải trả cho ông H số tiền 61.343.500 đồng. Ngày 01/02/2021, Công ty đã có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu H phải thanh toán Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X số tiền ông H còn nợ công ty là 594.888.818 đồng. Cụ thể diễn biến công nợ của ông Nguyễn Hữu H với Công ty như sau:

Năm 2003, tính đến ngày 31/12/2003, ông Nguyễn Hữu H còn nợ Công ty số tiền là: 77.954.503 đồng (ngày 22/3/2004, ông H và Công ty đã ký đối chiếu "Sổ chi tiết công nợ năm 2003). Năm 2004, ông H phát sinh nợ mới Công ty số tiền là: 603.991.999 đồng. Ông H thanh toán được cho Công ty số tiền là: 733.158.630 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2004, Công ty còn nợ ông Nguyễn Hữu H số tiền là: 51.212.128 đồng. Năm 2005, ông H phát sinh nợ mới Công ty số tiền là: 436.433.993 đồng. Ông H thanh toán được cho Công ty số tiền là: 0 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2005, ông Nguyễn Hữu H còn nợ Công ty số tiền là: 385.221.865 đồng. Năm 2006 tính đến ngày 14/07/2006 ông H phát sinh nợ mới Công ty số tiền là: 56.541.876 đồng. Từ ngày 01/01/2006 đến 14/07/2006 ông H thanh toán được cho Công ty số tiền là: 0 đồng. Tính đến ngày 14/7/2006, ông Nguyễn Hữu H còn nợ Công ty số tiền là: 441.763.741 đồng. Từ ngày 15/07/2006 đến 31/12/2006 ông H phát sinh nợ mới Công ty số tiền là: 153.125.077 đồng. Từ ngày 15/07/2006 đến 31/12/2006 ông H thanh toán được cho Công ty số tiền là: 0 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2006, ông Nguyễn Hữu H còn nợ Công ty số tiền là: 594.888.818 đồng. Từ năm 2007 đến nay, ông H phát sinh nợ mới Công ty số tiền là: 0 đồng. Ông H thanh toán được cho Công ty số tiền là: 0 đồng. Như vậy, tính đến nay ông Nguyễn Hữu H còn nợ Công ty số tiền là: 594.888.818 đồng.

Luật sư Nguyễn Tiến T1 trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Vì yêu cầu của nguyên đơn phát sinh từ quan hệ lao động thì tranh chấp lao động chứ không thể tranh chấp dân sự kiện đòi tài sản được. Ông H nhận Quyết định số 445/QĐ-NC từ 2005 đến năm 2020 ông H mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông H.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông H thừa nhận 2 sổ chi tiết công nợ từ ngày 01/01/2003 đến ngày 31/12/2003 ông H còn nợ Công ty hơn bảy mươi bảy triệu đồng. Sau đó đến năm 2004 ông H phát sinh nợ với hơn sáu trăm triệu đồng, ông H thanh toán cho công ty hơn bảy trăm triệu đồng tính đến ngày 31/12/2004 Công ty còn nợ ông H hơn 51.000.000 đồng. Đến năm 2005, ông H phát sinh nợ mới hơn bốn trăm triệu đồng, ông H không thanh toán cho Công ty. Đến ngày 31/12/2005, ông H nợ Công ty hơn ba trăm tám mươi lăm triệu đồng. Năm 2006, phát sinh nợ mới hơn năm mươi sáu triệu đồng. Từ ngày 01/01/2006 đến ngày 14/7/2006 ông H không thanh toán cho Công ty. Ngày 14/7/2006 ông H còn nợ Công ty hơn 441.000.000 đồng. Từ ngày 15/7/2006 đến ngày 31/12/2006 ông H phát sinh nợ mới hơn năm mươi ba triệu đồng và ông H không thanh Toán cho Công ty. Chốt đến ngày 31/12/2006, ông H còn nợ Công ty 594.888.818 đồng và chưa thanh toán cho Công ty. Đối với những chi phí phát sinh ông H cho rằng Công ty chưa thanh toán cho ông thì ông H phải có trách nhiệm đối chiếu với Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của Công ty, buộc ông H phả trả cho Công ty số tiền nợ 594.888.818 đồng.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Căn cứ vào:

+Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điều 166 Bộ luật dân sự.

+Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H. Buộc Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H số tiền 61.343.500 đồng.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X về việc yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ 594.888.818 đồng. Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có đầy đủ các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- ***Về án phí:*** Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X phải chịu 30.862.728 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp 13.898.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0013759 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Số tiền còn lại phải nộp là 16.964.728 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị đơn rút yêu cầu phản tố, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X về việc yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ 594.888.818 đồng; không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp đơn rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ 594.888.818 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 312; điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X về việc yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ 594.888.818 đồng.

[2] Về nội dung:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu H nguyên là cán bộ công nhân viên thuộc Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ X (Nay là Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ X) là người thuộc diện được hưởng chế độ khi nghỉ việc. Về phía bị đơn cũng đã xác định số tiền ông H được hưởng chế độ nghỉ việc là 61.343.500 đồng nhưng hiện nay Công ty chưa thanh toán số tiền này cho ông H vì cho rằng ông H đang còn nợ công ty một khoản tiền

594.888.818 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là chính đáng. Bởi lẽ, trước khi ban hành quyết định số 445/QĐ-NC ngày 30/11/2005 "về việc giải quyết nghỉ việc hưởng chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp" Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ X đã căn cứ theo quy định của pháp luật, chính sách được hưởng của người lao động khi mất việc do sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ X giải quyết thanh toán chế độ mà ông H được hưởng với số tiền 61.343.500 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu 3.067.175 đồng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và 10.830.000 đồng án phí dân sự đối với việc rút yêu cầu phản tố.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 312; điểm c khoản 1 Điều 289; điểm khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ X.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu Công ty Cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X về việc yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ 594.888.818 đồng.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 206/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điều 166 Bộ luật dân sự.

+ Áp dụng Điều 26; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H. Buộc Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H số tiền 61.343.500 đồng.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng của của Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X về việc yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ 594.888.818 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X phải chịu 3.067.175 đồng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và 10.830.000 đồng án phí dân sự đối với việc rút yêu cầu phản tố.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn Công ty cổ phần quản lý xây dựng đường bộ X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0021673 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- ….;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Duy Phương